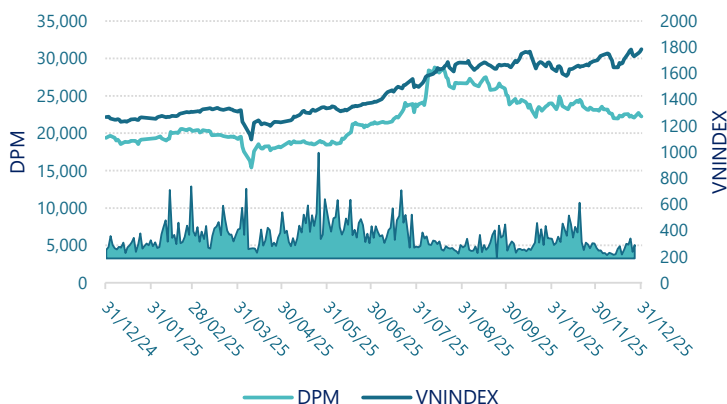


Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (HSX: DPM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,412
SL cổ phiếu LH	679,925,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,189,095
% sở hữu nước ngoài	4.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,128
P/E	14.1
EPS	1,579

DT thuần

Q4/25

3,414

tỷ VNĐ

QoQ: ▼315| -8.4%

YoY: ▲ 250| 7.9%

LN sau thuế

Q4/25

233

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -2.6%

YoY: ▲ 192| 473%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.0%

+/- YoY: ▲ 3.7%

DT thuần

2025

16,564

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,068| 22.7%

LN sau thuế

2025

1,096

tỷ VNĐ

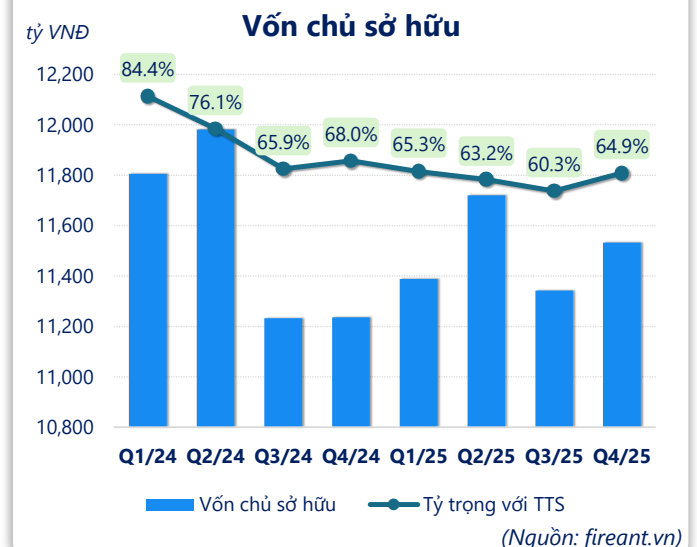
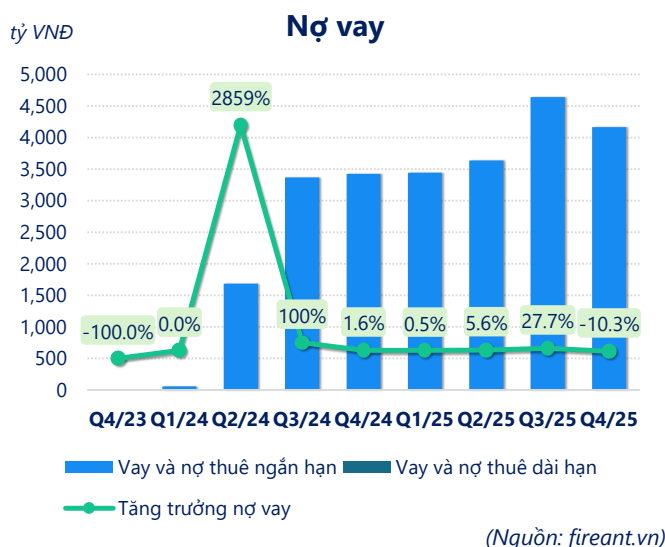
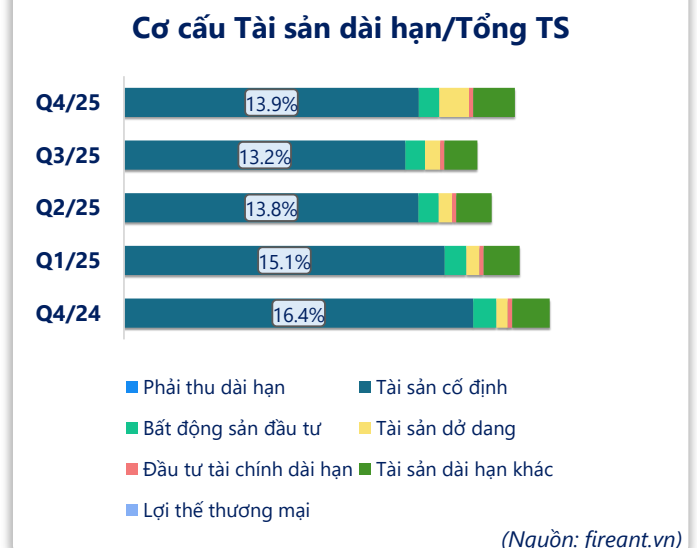
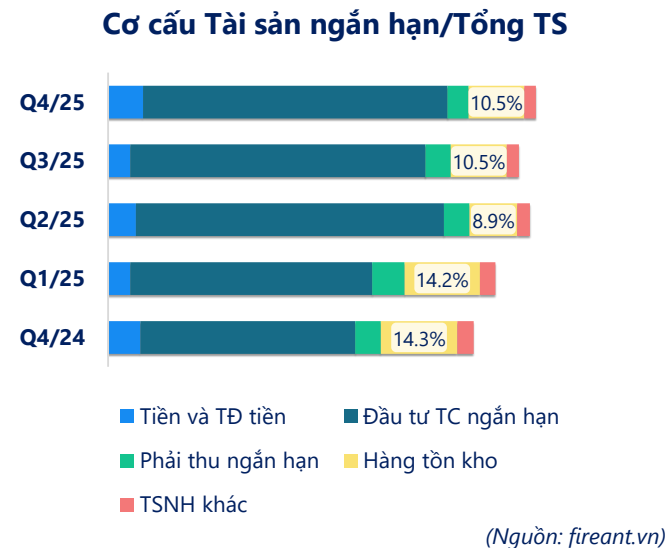
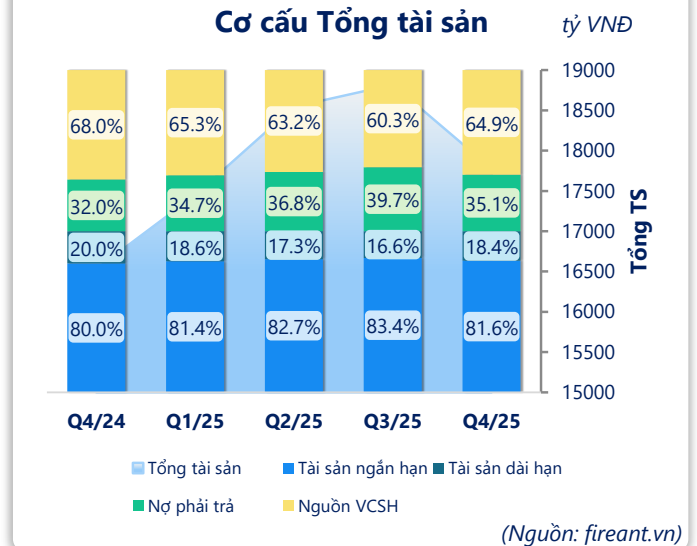
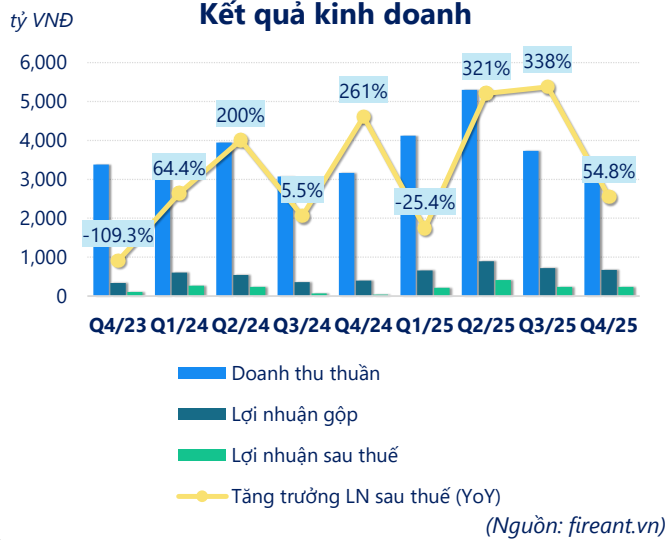
YoY: ▲ 542| 97.7%

ROE

2025

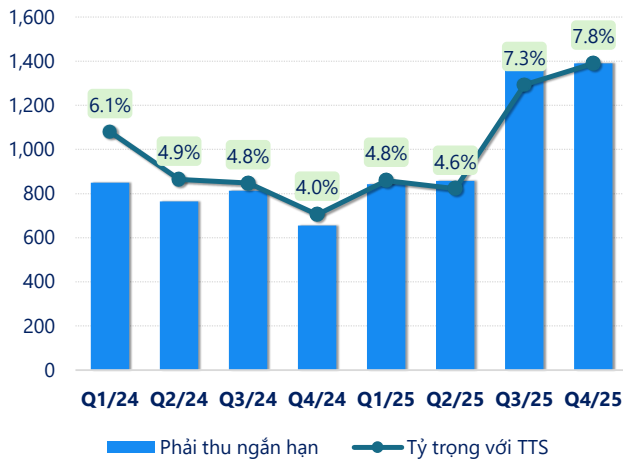
9.5%

+/- YoY: ▲ 4.7%



tỷ VNĐ

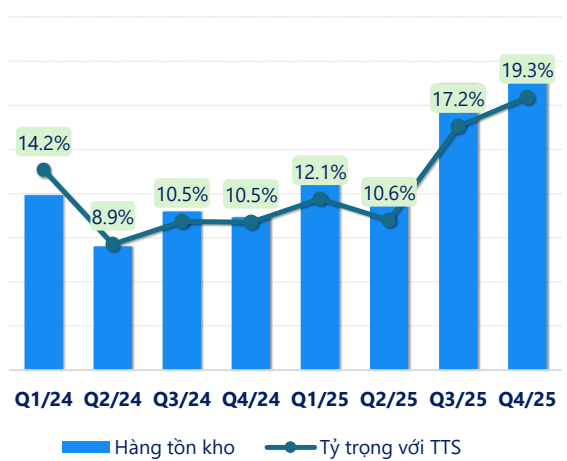
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

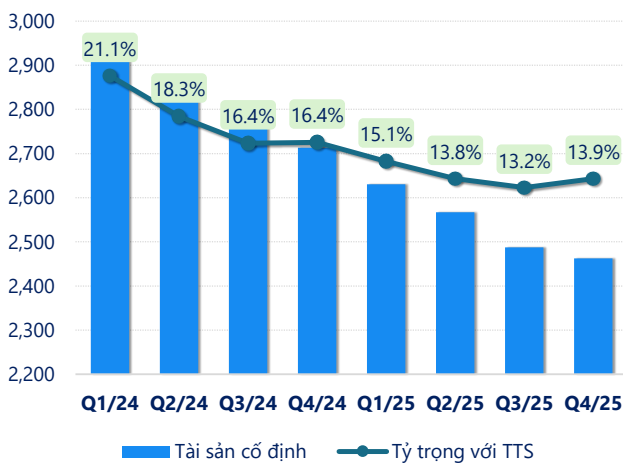
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

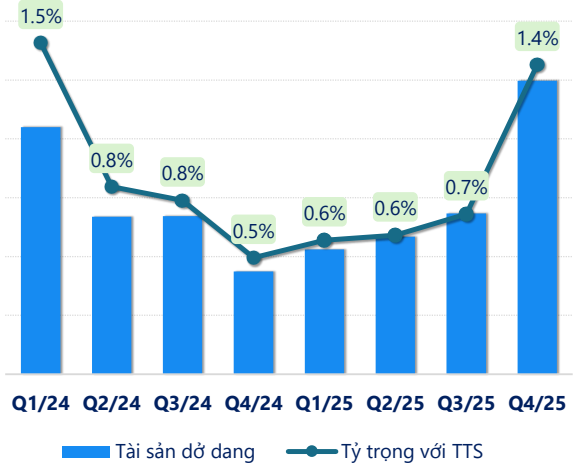
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

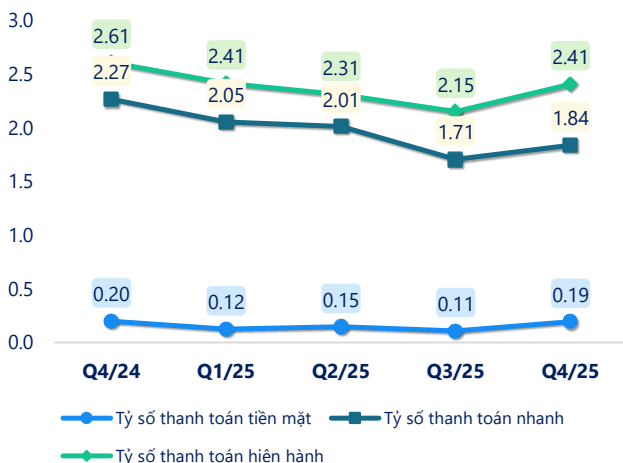
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



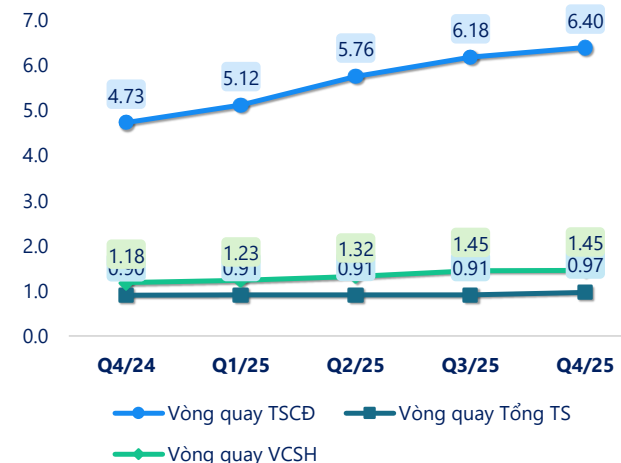
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	16,531	17,450	18,542	18,818	17,777
Tài sản ngắn hạn	13,222	14,205	15,337	15,691	14,510
Tiền và tương đương tiền	1,005	728	971	788	1,168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,464	10,064	11,114	9,712	7,835
Phải thu ngắn hạn	656	843	858	1,368	1,390
Hàng tồn kho	1,731	2,118	1,968	3,246	3,434
Tài sản ngắn hạn khác	367	452	426	577	683
Tài sản dài hạn	3,309	3,245	3,205	3,127	3,267
Phải thu dài hạn	1.13	1.42	1.05	1.49	1.52
Tài sản cố định	2,713	2,630	2,567	2,487	2,463
Bất động sản đầu tư	181	178	176	174	171
Tài sản dở dang	87.3	106	117	137	249
Đầu tư tài chính dài hạn	34.2	34.2	35.3	35.3	35.4
Tài sản dài hạn khác	292	295	309	293	347
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,295	6,061	6,822	7,476	6,244
Nợ ngắn hạn	5,071	5,884	6,644	7,294	6,028
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,422	3,441	3,635	4,642	4,164
Phải trả người bán ngắn hạn	689	1,060	1,498	946	671
Nợ dài hạn	224	177	178	182	215
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,236	11,389	11,720	11,342	11,533
Vốn chủ sở hữu	11,236	11,389	11,720	11,342	11,533
Vốn điều lệ	3,914	3,914	3,914	6,800	6,800
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)